

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28 tháng 05 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh Giấy phép như sau:

- Lần 1: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 29 tháng 06 năm 2004, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND.
- Lần 2: Giấy xác nhận số 683/KHĐT-ĐKKD ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi Tên Công ty thành “ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng”.
- Lần 3: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND.
- Lần 4: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 18 tháng 06 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 41.391.600.000 VND.
- Lần 5: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 22 tháng 04 năm 2009, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 41.391.600.000 VND lên 85.000.000.000 VND.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 VND
- Trụ sở chính của Công ty:
 - Địa chỉ : Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt.
 - Điện thoại : (0633) 832 511 – 828 127 – 825 549
 - Fax : (0633) 830 142
 - Email : ctyvldld@hcm.vnn.vn
 - Mã số thuế : 5800391633
- Các Xí nghiệp thành viên:

Xí nghiệp Hiệp An

Địa chỉ : Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3913219
(063) 3840872
Fax : (063) 3840609
Mã số thuế : 5800391633 – 001

Xí nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ

Địa chỉ : Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3848862
Fax : (063) 3620042
Mã số thuế : 5800391633 – 003

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xí nghiệp Đá Cát

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3832512

Mã số thuế : **5800391633 - 004**

Xí nghiệp Hiệp Tiến

Địa chỉ : Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3868560

Fax : (063) 3868555

Mã số thuế : **5800391633 - 006**

Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3552318

Mã số thuế : **5800391633 - 007**

- Công ty con: Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành.

Công ty Cổ Phần Hiệp Thành được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Xí nghiệp Hiệp Thành thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 02 tháng 07 năm 2007.

- Công ty con: Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát.

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát được thành lập bởi Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, trụ sở đăng ký tại Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5801036335 ngày 28 tháng 09 năm 2011 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Công ty thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 07 ngày 11 năm 2011.

- Công ty liên kết: Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.

- Hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 29).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch	01-07-2011	
Ông Lương Hùng Minh	P.Chủ tịch	01-07-2011	
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên		
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên		
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên		
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên		
Ông Võ Lai	Thành viên	01-07-2011	
Ông Nguyễn Danh Cường	Thành viên		01-07-2011

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban		
Ông Lê Cao Ân	Thành viên	01-07-2011	
Bà Nguyễn Viết Hưng	Thành viên	01-07-2011	
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên		01-07-2011
Bà Phan Phạm Phú Nam Châu	Thành viên		01-07-2011

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	01-07-2011	
Ông Lương Hùng Minh	Tổng Giám đốc		01-07-2011
Ông Võ Xuân Sơn	Phó tổng Giám đốc		

Kế toán Trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán trong việc trình Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN AN THÁI – Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Số: 0206/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2012, từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2012



VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV



VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.121.698.940	97.132.524.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		42.801.538.784	34.403.318.961
1. Tiền	111	VI.1	15.878.538.784	13.903.318.961
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.923.000.000	20.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	5.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.928.341.942	32.090.315.731
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	28.089.973.336	25.140.257.708
2. Trả trước cho người bán	132		2.980.773.552	3.809.296.225
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2.407.696.555	6.626.388.982
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.550.101.501)	(3.485.627.184)
IV. Hàng tồn kho	140		30.141.974.266	22.045.698.966
Hàng tồn kho	141	VI.5	30.141.974.266	22.045.698.966
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.249.843.948	2.593.190.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	1.598.334.060	821.969.713
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		73.779.953	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		50.648.279	3.300.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	1.527.081.656	1.767.921.277
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.727.622.861	102.471.168.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.102.378.401	96.386.533.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	81.624.963.233	94.024.096.368
Nguyên giá	222		173.129.670.182	173.135.080.524
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.504.706.949)	(79.110.984.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	1.273.081.699	1.391.898.094
Nguyên giá	228		4.336.485.373	4.108.074.373
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.063.403.674)	(2.716.176.279)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	1.204.333.469	970.539.397
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.11	1.002.727.536	1.001.371.049
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		1.002.727.536	1.001.371.049
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.622.516.924	5.083.263.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	2.934.949.849	4.357.956.097
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		118.726.218	179.932.704
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.13	568.840.857	545.374.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		196.849.321.801	199.603.692.798

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.420.464.939	66.564.044.222
I. Nợ ngắn hạn	310		46.842.922.679	46.845.269.225
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.14	18.802.271.248	20.416.498.296
2. Phải trả người bán	312	VI.15	11.278.924.122	8.406.327.663
3. Người mua trả tiền trước	313		1.043.346.043	3.741.581.172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	1.796.767.134	2.171.359.835
5. Phải trả người lao động	315		9.444.421.748	7.743.871.787
6. Chi phí phải trả	316	VI.17	1.130.559.077	1.140.635.154
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	1.574.450.323	1.904.953.454
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.772.182.984	1.320.041.864
II. Nợ dài hạn	330		15.577.542.260	19.718.774.997
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.19	15.280.674.510	19.252.541.960
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		226.867.750	396.233.037
3. Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ			70.000.000	70.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.605.129.305	125.098.158.983
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.20	125.605.129.305	125.098.158.983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.372.135.515)	(2.549.053.629)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.134.864.073	7.847.423.239
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.195.437.726	1.563.731.348
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.268.396.301	11.857.491.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C- Lợi ích cổ đông thiểu số	439		8.823.727.557	7.941.489.593
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		196.849.321.801	199.603.692.798

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)		292.428,12	261.560,22
Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012			
			
NGUYỄN AN THAI Tổng Giám đốc	PHẠM THỊ MỸ DUNG Kế toán trưởng		LÊ NAM ĐỒNG Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	217.165.876.673	170.898.158.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.036.850	1.825.372
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		217.107.839.823	170.896.332.640
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	147.197.611.151	116.838.598.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			69.910.228.672	54.057.734.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	4.998.893.875	3.316.722.218
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	7.007.830.179	6.009.133.578
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.961.984.536	6.006.367.744
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	23.654.403.515	19.252.461.560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	24.121.681.456	16.620.795.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.125.207.397	15.492.066.497
11. Thu nhập khác	31	VII.7	1.381.385.474	1.185.244.544
12. Chi phí khác	32	VII.8	1.270.057.038	487.386.610
13. Lợi nhuận khác	40		111.328.436	697.857.934
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		1.356.487	(92.070.039)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.237.892.320	16.097.854.392
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	5.068.217.554	4.109.051.917
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VII.10	61.206.486	(132.862.891)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.108.468.280	12.121.665.366
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	70		2.033.139.878	1.307.864.785
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ			13.075.328.402	10.813.800.581
Trong đó				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân			8.177.155	8.354.875
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VII.11	1.599,01	1.294,31

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

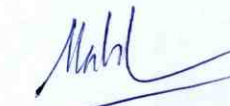
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		20.237.892.320	16.097.854.392
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.364.211.547	15.000.110.434
- Các khoản dự phòng	03		3.064.474.317	438.364.296
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		22.297.441	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.090.860.329)	(1.580.209.615)
- Chi phí lãi vay	06		6.961.984.536	6.006.367.744
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		40.559.999.832	35.962.487.251
- Tăng các khoản phải thu	09		(7.073.069.367)	14.838.886.159
- Giảm hàng tồn kho	10		(7.734.483.931)	296.885.308
- Giảm các khoản phải trả	11		4.322.614.632	(11.299.415.830)
- Tăng chi phí trả trước	12		663.996.663	663.527.046
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.961.984.536)	(6.006.367.744)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.403.435.984)	(3.922.496.534)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		771.694	845.678.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(853.774.260)	(271.570.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		17.520.634.743	31.107.613.656
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.055.020.695)	(9.479.650.389)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		645.336.852	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(12.000.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.362.703.898	2.180.639.547
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		1.953.020.055	(19.299.010.842)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	157.500.000
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.823.081.886)	(281.319.072)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		37.693.912.416	43.091.025.839
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.308.139.464)	(39.893.873.158)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.615.828.600)	(5.845.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(11.053.137.534)	(2.771.666.391)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.420.517.264	9.036.936.423
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.403.318.961	26.038.744.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.297.441)	(672.361.713)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	42.801.538.784	34.403.318.961

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2012


NGUYỄN AN THÁI
 Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng


LÊ NAM ĐỒNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hiệp Thành

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bố, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Công ty Cổ phần Hiệp Thành được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Xí nghiệp Hiệp Thành thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 02 tháng 07 năm 2007.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát.

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát được thành lập bởi Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, trụ sở đăng ký tại Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5801036335 ngày 28 tháng 09 năm 2011 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Công ty thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 07 ngày 11 năm 2011.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 100%

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty Mẹ sử dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Thành áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Phú áp dụng hình sổ nhật ký chung..

4. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Các Công ty con

Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các Báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và nghiệp vụ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các Công ty liên kết là những đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Nếu phần lỗ của Công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bốc tải, chi phí vận chuyển và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 12

Thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

Trong kỳ Công ty đã thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của máy móc thiết bị từ 15 năm thành 25 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Việc thay đổi thời gian hữu ích của tài sản làm chi phí khấu hao làm chi phí khấu hao năm 2010 giảm 968.838.888 VND so với năm trước.

7. Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng Iso

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí Công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến mười hai (12) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng hay lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong năm.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	610.167.980	963.495.796
VND	543.580.020	896.907.836
USD quy đổi VND	66.587.960	66.587.960
Tiền gửi Ngân hàng	15.268.370.804	12.939.823.165
VND	9.177.677.921	7.839.379.375
USD quy đổi VND	6.090.692.883	5.100.443.790
Khoản đầu tư có thời hạn 3 tháng	26.923.000.000	20.500.000.000
Tổng Cộng	42.801.538.784	34.403.318.961

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng đầu tư & phát triển	5.000.000.000	6.000.000.000
Cộng(*)	5.000.000.000	6.000.000.000

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng, lãi suất 11,5%/năm.

3. Phải thu khách hàng

Công ty Đồng Nai	404.376.060	-
Công ty TNHH SX-TM Vật Liệu Chịu Lửa Lê Vỹ	706.332.000	251.724.000
Taekwang industry technical co.,ltd	300.576.974	282.366.286
Ông Lee Dong Wook	445.378.387	442.458.300
Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng COTEC	535.730.600	-
Công ty Quản Lý Đường Bộ 1 Lâm Đồng	1.411.000.701	-
Công ty Cổ phần E. C. O. N	1.629.314.500	-
Công ty TNHH XD TM Thuận Việt	2.751.677.417	1.165.896.100
Công ty CP Công nghiệp gốm sứ Taicera	2.129.867.344	3.363.626.771
Công ty Cổ Phần Quốc tế Pancera	513.377.150	-
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	300.000.000	1.237.758.000
Đại lý Thiện	482.523.500	399.412.042
Công ty Cổ phần xây dựng 1 Lâm Đồng	253.069.986	122.024.986
Khách hàng khác	16.226.748.717	17.874.991.223
Tổng cộng	28.089.973.336	25.140.257.708

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi đầu tư ngắn hạn	224.383.562	-
Cổ tức năm 2010	-	5.014.500.000
Công ty CP KS&VLXD Lâm Đồng - Ứng trước cổ tức	1.105.305.000	1.031.618.000
Phải thu Bảo hiểm xã hội	13.232.698	-
Phải thu khác	1.064.775.295	580.270.982
Tổng cộng	2.407.696.555	6.626.388.982

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	9.774.242.598	7.620.706.688
Công cụ dụng cụ	432.133.177	476.731.753
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.689.035.251	4.005.757.121
Thành phẩm	15.227.361.668	9.939.101.832
Hàng hóa	19.201.572	3.401.572
Cộng giá gốc hàng tồn kho	30.141.974.266	22.045.698.966

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi phí bóc tăng phủ mỏ Hiệp Thành	303.505.370	980.699.925	1.152.113.819	-	132.091.476
CP tập kết bentonit	-	31.472.854	31.472.854	-	-
Công cụ dụng cụ	68.416.667	792.619.957	527.800.332	-	333.236.292
Bộ lốp xe	39.846.997	161.322.090	69.837.883	-	131.331.204
Dịch vụ Quảng cáo	-	63.855.000	-	-	63.855.000
Bảo hiểm tài sản cố định	24.475.000	-	24.475.000	-	-
Ván ép cao lanh	43.958.526	52.491.359	78.952.766	-	17.497.119
Chi phí dọn bãi nguyên liệu	-	7.670.455	7.670.455	-	-
Chi phí khác	-	341.230.563	270.878.076	1.712.487	68.640.000
Thuế tài nguyên	248.553.541	303.630.600	258.144.000	-	294.040.141
Phí bảo vệ môi trường	93.213.612	93.639.750	96.804.000	-	90.049.362
Chi phí palet gỗ kê gạch	-	1.194.000.000	802.500.000	-	391.500.000
Chi phí sửa chữa	-	83.011.053	6.917.587	-	76.093.466
Tổng cộng	821.969.713	4.105.643.606	3.327.566.772	1.712.487	1.598.334.060

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng nhân viên	1.527.081.656	1.767.921.277
Cộng	1.527.081.656	1.767.921.277

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	51.748.279.129	98.987.288.218	20.026.018.791	1.536.474.628	520.611.939	316.407.819	173.135.080.524
2. Tăng trong năm	568.052.269	2.445.862.727	1.220.903.050	146.850.818	-	-	4.381.668.864
3. Giảm trong năm	368.008.907	3.299.888.859	708.710.705	10.470.735	-	-	4.387.079.206
4. Số cuối năm	51.948.322.491	98.133.262.086	20.538.211.136	1.672.854.711	520.611.939	316.407.819	173.129.670.182
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	21.975.528.920	45.569.982.657	9.817.667.460	1.322.134.838	195.527.939	230.142.342	79.110.984.156
2. Tăng trong năm	3.202.023.500	9.331.139.873	2.270.039.112	134.919.842	61.608.730	17.253.095	15.016.984.152
3. Giảm trong năm	198.098.521	1.650.949.255	763.742.848	10.470.735	-	-	2.623.261.359
4. Số cuối năm	24.979.453.899	53.250.173.275	11.323.963.724	1.446.583.945	257.136.669	247.395.437	91.504.706.949
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	29.772.750.209	53.417.305.561	10.208.351.331	214.339.790	325.084.000	86.265.477	94.024.096.368
2. Số cuối năm	26.968.868.592	44.883.088.811	9.214.247.412	226.270.766	263.475.270	69.012.382	81.624.963.233

Giá trị tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Giá trị của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.129.105.065 VND

9. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Chi phí hàm mờ, thăm dò	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	431.993.275	1.120.786.000	26.500.000	2.528.795.098	4.108.074.373
2. Tăng trong năm	-	228.411.000	-	-	228.411.000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	431.993.275	1.349.197.000	26.500.000	2.528.795.098	4.336.485.373
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	239.264.367	1.120.786.000	1.325.000	1.354.800.912	2.716.176.279
2. Tăng trong năm	102.908.657	-	5.300.000	239.018.738	347.227.395
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	342.173.024	1.120.786.000	6.625.000	1.593.819.650	3.063.403.674
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	192.728.908	-	25.175.000	1.173.994.186	1.391.898.094
2. Số cuối năm	89.820.251	228.411.000	19.875.000	934.975.448	1.273.081.699

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào tài sản trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Nhà máy cao lanh Hiệp Tiến	-	1.104.473.070	426.703.070	-	677.770.000
Dự án NMS Hiệp An	468.891.764	-	468.891.764	-	-
Dự án Tẩm lót nguội Hiệp An – 2010	4.538.181	14.615.000	-	-	19.153.181
Dự án cao lanh Trại mát 2 Hiệp An	94.959.091	154.319.117	133.253.636	116.024.572	-
Tài đánh giá hệ thống ISO	-	127.063.000	-	-	127.063.000
Công trình lò phôi	402.150.361	-	21.803.073	-	380.347.288
Tổng cộng	970.539.397	1.400.470.187	1.050.651.543	116.024.572	1.204.333.469

11. Các khoản đầu tư dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	1.002.727.536	1.001.371.049
Tỷ lệ góp vốn	35,00%	35,00%
Cộng	1.002.727.536	1.001.371.049

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm khác	Số dư cuối năm
Chi phí đền bù hoa màu	2.407.701.788	26.000.000	1.536.272.456	-	897.429.332
Chi phí thăm dò	487.312.863	224.500.000	396.626.906	315.185.957	315.185.957
Bàn ghế HĐQT+VP TGĐ	-	20.600.000	3.433.333	-	17.166.667
Chi phí sửa văn phòng	-	46.381.818	5.153.538	-	41.228.280
Công cụ, dụng cụ	710.399.966	3.167.269.579	2.271.288.347	-	1.606.381.198
Chi phí đền bù N'Thôn Hạ	-	295.445.858	103.009.747	-	192.436.111
Chi phí đền bù Cam ly	-	19.740.099	19.740.099	-	-
Chi phí khác	752.541.479	74.406.897	639.000.445	23.548.202	187.947.931
Tài sản đã qua sử dụng nhận bàn giao từ Công ty mẹ	-	17.354.762	1.446.230	-	15.908.532
Tổng cộng	4.357.956.097	3.891.699.013	4.974.524.871	338.734.159	2.934.949.849

13. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ Quỹ Bảo vệ môi trường	-	71.120.000
Ký quỹ mỏ Lộc Tân	112.870.000	112.870.000
Ký quỹ mỏ xét Nghĩa Lập Xí Nghiệp Thạnh Mỹ	103.600.000	103.600.000
Ký quỹ mỏ cao lanh	53.192.000	40.676.000
Ký quỹ khác	299.178.857	288.228.441
Tổng cộng	568.840.857	545.374.441

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng Công thương	11.752.181.296	24.106.872.420	24.835.796.318	11.023.257.398
Ngân hàng Đầu tư	2.695.026.000	4.075.701.546	4.188.437.146	2.582.290.400
Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng	1.715.831.000	5.539.471.000	6.030.446.000	1.224.856.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.253.460.000	3.971.867.450	4.253.460.000	3.971.867.450
Tổng cộng	20.416.498.296	37.693.912.416	39.308.139.464	18.802.271.248

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 10080001/HĐTDHM ngày 10/2/2010 với hạn mức cho vay là 14 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 1%/tháng và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng 4 chiếc xe tại Văn Phòng Công ty.

Khoản vay Ngân hàng NHNN&PTNN Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 5400LAV201000173/HĐTD ngày 01 tháng 02 năm 2010 với hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xí nghiệp than Nha Trang	607.728.000	292.139.320
Ông Lương Ngọc Thiện	191.107.000	215.753.500
Công ty TNHH một thành viên xi măng LUKS	338.932.024	843.323.000
Công ty TNHH ĐT & TV xây dựng Quốc tế	463.102.000	187.845.900
DNTN VLXD Thanh Trà	952.362.105	154.919.000
Cửa hàng VLXD 815	1.164.377.000	-
Công ty Cơ khí đúc Đại Thắng	100.000.000	50.000.000
DNTN Thương Mại 21/5	165.281.000	-
Cty TNHH Phú Khang	309.092.630	-
Công ty TNHH Dương Phát	527.130.200	-
Nguyễn Phước Tạo	634.145.996	-
Khách hàng khác	5.825.666.167	6.662.346.943
Tổng cộng	11.278.924.122	8.406.327.663

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Thuế và các khoản phải nộp khác

Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
Thuế	2.072.575.635	18.454.567.647	18.908.783.827	1.618.359.455
Thuế giá trị gia tăng hàng bán trong nước	477.832.228	6.644.226.930	6.631.977.038	490.082.120
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	111.280.438	111.280.438	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	329.716.006	329.716.006	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.168.791.141	4.663.441.780	5.403.435.984	428.796.937
<i>Thuế thu nhập hiện hành</i>	675.280.499	2.688.943.607	3.382.914.457	(18.690.351)
<i>Khoản nộp phạt thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	-	77.440.322	77.440.322	-
<i>Khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	31.897.928	(31.897.928)
Thuế tài nguyên	284.152.452	3.674.694.434	3.400.777.641	558.069.245
Tiền thuế đất (*)	(3.300.000)	616.509.653	613.269.653	(60.000)
Các loại thuế khác	4.709.899	316.083.809	311.035.727	9.757.981
<i>Thuế môn bài</i>	-	12.000.000	12.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	4.709.899	304.083.809	299.035.727	9.757.981
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	95.484.200	892.050.850	859.775.650	127.759.400
Phí bảo vệ môi trường	95.484.200	804.136.650	771.861.450	127.759.400
Các khoản phải nộp khác	-	87.914.200	87.914.200	-
	140.389.915	2.098.614.597	2.107.291.340	131.713.172
Cộng	2.168.059.835	19.346.618.497	19.768.559.477	1.746.118.855

(*) Khoản thuế nộp dư được trình bày trên phần thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	538.397.000	567.419.000
Chi phí bốc tăng phủ	-	-
Chi phí phải trả khác	565.591.077	370.970.000
Tiền ăn ca quý 4/2011	26.571.000	-
Tổng Cộng	1.130.559.077	1.140.635.154

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	448.461.354	386.866.630
Bảo hiểm xã hội	189.773.706	135.772.266
Bảo hiểm Y tế	73.483.166	34.313.597
Bảo hiểm thất nghiệp	29.238.385	12.628.385
Tiền cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần Hiệp Thành	-	442.122.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	10.487.872	-
Phải trả khác	823.005.840	893.250.576
Cộng	1.574.450.323	1.904.953.454

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

19. Vay và nợ dài hạn

Đối tượng	Đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng	15.812.541.960	-	-	3.091.867.450	12.720.674.510
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng	3.440.000.000	-	-	880.000.000	2.560.000.000
Tổng Cộng	19.252.541.960	-	-	3.971.867.450	15.280.674.510

Vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm các hợp đồng như sau:

- Khoản vay (A) Hợp đồng vay số 08220005/HĐ ngày 29/04/2008 với số tiền cho vay là 19,5 tỷ đồng, thời hạn 9 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy Hiệp An. Khoản vay chịu lãi suất là 1,3%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.6). Khoản vay được thanh toán từ ngày 29/07/2009 đến ngày 29/07/2017 với số tiền 609 triệu đồng/quý.
- Khoản vay (B) Hợp đồng vay số 09220008 ngày 19/01/2009 với số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư Nhà chứa nhiên liệu, nhà xưởng nghiền-trộn liệu, thiết bị sàng phân ly samốt và hệ móng máy, móng lò nung, sấy, lò sinh khí than nóng, Tầm Carbon silic và trụ nung. Khoản vay chịu lãi suất là 1,06%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản, giá trị tài sản đảm bảo 5.161.399.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý từ ngày 19/07/2009 đến ngày 19/07/2012 với số tiền 143 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 19/10/2012 với số tiền thanh toán là 62 triệu đồng.
- Khoản vay (C) Hợp đồng vay số 09080001 ngày 03/09/2009 với số tiền cho vay là 3,3 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Khoản vay chịu lãi suất là 10,5%/năm (0,875%/tháng) và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09080001, giá trị tài sản đảm bảo 6.795.760.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc 6 tháng/lần từ ngày 03/10/2010 đến ngày 03/04/2014 với số tiền 374 triệu đồng/6 tháng, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 03/09/2014 với số tiền thanh toán là 308 triệu đồng.
- Khoản vay (D) Hợp đồng vay số HD 10080002DN ngày 24/3/2010 với số tiền cho vay là 460.147.650 VND, thời hạn 36 tháng. Khoản vay nhằm mục đích nhập máy móc thiết bị. Khoản vay chịu lãi suất là 15%/năm (1,25%/tháng). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được thanh toán hàng quý từ ngày 24/06/2010 đến ngày 24/12/2012 với số tiền 38,25 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 24/03/2013 với số tiền thanh toán là 39.667.650 VND.

Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng

Hợp đồng vay số 01/2008/HĐ ngày 12/05/2008 với hạn mức cho vay là 5,5 tỷ đồng với thời hạn 84 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy bê tông Hiệp Lực. Khoản vay chịu lãi suất là 1,46%/tháng và không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý, từ ngày 25/2/2009 đến ngày 25/5/2010 thanh toán với số tiền 150 triệu đồng/quý, từ ngày 25/8/2010 đến ngày 25/5/2011 thanh toán với số tiền 180 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2011 đến ngày 25/05/2012 thanh toán với số tiền 220 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2012 đến ngày 09/05/2015 thanh toán với số tiền 250 triệu đồng/quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(2.425.234.557)	8.028.930.488	1.189.493.931	7.432.729.978	418.233.054	121.022.719.614
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	157.500.000	-	-	-	-	157.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.813.800.581	-	10.813.800.581
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	368.821.371	-	-	-	368.821.371
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.132.459.077	-	1.132.459.077
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(5.845.000.000)	-	(5.845.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(281.319.072)	(1.132.459.077)	374.237.417	(1.538.498.331)	(418.233.054)	(582.130.457)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(138.000.000)	-	(138.000.000)
Số dư cuối năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(2.549.053.629)	7.847.423.239	1.563.731.348	11.857.491.305	-	125.098.158.983
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(2.549.053.629)	7.690.460.368	1.563.731.348	11.857.491.305	-	124.941.196.112
Tăng vốn trong năm	-	-	-	(1.823.081.886)	-	-	-	-	(1.823.081.886)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	13.075.328.402	-	13.075.328.402
Thuế TNDN được miễn giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	515.441.096	-	-	-	515.441.096
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(11.855.935.210)	-	(11.855.935.210)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.003.879.878	631.706.378	(673.488.196)	-	962.098.060
Giảm khác	-	-	-	-	(74.917.269)	-	(135.000.000)	-	(209.917.269)
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(4.372.135.515)	9.134.864.073	2.195.437.726	12.268.396.301	-	125.605.129.305

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	342.500	166.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	342.500	166.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.157.500	8.333.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.157.500	8.333.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	217.165.876.673	170.898.158.012
Các khoản giảm trừ doanh thu	(58.036.850)	(1.825.372)
Doanh thu thuần	217.107.839.823	170.896.332.640

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán	147.197.611.151	116.838.598.055
-------------------------------	-----------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.556.349.313	2.180.639.547
Cổ tức được chia	461.849.845	-
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	174.340.132	867.720.203
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	268.362.468
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.798.273.696	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.080.889	-
Tổng cộng	4.998.893.875	3.316.722.218

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	6.961.984.536	6.006.367.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	23.548.202	2.765.834
Chiết khấu thanh toán	22.297.441	-
Tổng cộng	7.007.830.179	6.009.133.578

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	2.453.124.132	1.230.057.452
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.877.124.473	3.072.464.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.146.972.237	1.317.191.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.791.230.835	8.138.516.518
Chi phí bằng tiền khác	1.385.951.838	5.494.231.043
Tổng cộng	23.654.403.515	19.252.461.560

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí lương nhân viên	11.444.410.397	9.291.396.064
Chi phí nguyên vật liệu	1.533.462.910	1.539.209.310
Chi phí khấu hao	1.044.949.904	1.100.150.158
Thuế, phí lệ phí	621.495.238	568.752.404
Chi phí dự phòng	3.756.922.971	181.832.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	767.988.532	718.843.401
Chi phí bằng tiền khác	4.795.374.413	3.170.197.627
Chi phí công cụ, dụng cụ	131.368.975	50.413.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.708.116	-
Tổng cộng	24.121.681.456	16.620.795.168

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	274.957.362	
Thu nhập từ xử lý cổ tức	-	
Thu nhập từ tiền đền bù xường	205.740.000	845.678.000
Thu nhập từ bán phế phẩm, phế liệu	331.962.795	91.467.097
Thu nhập khác	568.725.317	248.099.447
Cộng	1.381.385.474	1.185.244.544

8. Chi phí khác

Thanh lý tài sản cố định	190.371.243
Phạt nộp thuế tài nguyên, môi trường	507.336.522
Chi phí di dời xường	205.850.991
Chi phí khác	366.498.282
Cộng	1.270.057.038

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% thu nhập chịu thuế trừ thu nhập chịu thuế từ dự án nhà máy sản xuất gạch Tuynen đầu tư năm 2002 tại xí nghiệp Thanh Mỹ.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Hiệp Tiến được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 (bốn) năm tiếp theo.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Thanh Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 (ba) năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Việc xác định và tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Lợi nhuận kế toán trước thuế.	21.938.645.097	19.474.575.073
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	286.058.078	51.862.945
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	1.951.832.960	3.021.561.545
	-	-
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm	20.272.870.215	16.504.876.473
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	5.068.217.554	4.109.051.917
<i>Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm</i>	<i>515.441.096</i>	<i>368.821.371</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp	5.068.217.554	4.109.051.917

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Hoàn nhập khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại đầu năm (a)	179.932.704
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong (b)	118.726.218
Ghi nhận khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm (a)+(b)	61.206.486

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	8.333.500	8.350.000
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	-	7.500
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	200.000	24.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	8.177.155	8.354.875
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.075.328.402	10.813.800.581
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.599,01	1.294,31

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Công ty được lấy theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán tư vấn Đất Việt.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	Công ty liên kết

Trong năm, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty CP Hiệp Phú	Thu tiền bán hàng	937.758.000

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Công ty Cổ phần Hiệp Phú

Phải thu tiền bán nguyên vật liệu	300.000.000
-----------------------------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	54,93	48,66
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	45,07	51,34
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,71	33,35
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,81	66,65
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,31	2,07
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,20	4,26
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,73
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	9,32	9,42
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,96	7,09
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	10,28	8,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,68	6,07
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	12,03	9,69

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2012




NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng


LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu